TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09 -7-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Ông Đỗ Minh Tùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:*** Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 166/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Kim T, sinh năm 1974. Có đơn xin vắng mặt

Bị đơn: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1967. Vắng mặt

Cùng địa chỉ thường trú: Số G65, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 07/4/2021, Bản tự khai ngày 15/4/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đặng Kim T trình bày:

Bà T và ông Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh B vào ngày 25/9/2003. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt, ngoại tình với người phụ nữ khác. Bà T đã dọn ra ở

riêng cùng với con gA được khoảng 02 năm, bà T và ông Đ không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Hiện nay, bà T không còn tình cảm với ông Đ, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Tại đơn khởi kiện do nhầm lẫn nên bà T khai có 02 con là Võ Kim A, sinh năm 1994, Võ Kim T2, sinh ngày 06/05/2004. Nay bà T xác định lại bà T và ông Đ có 03 con chung là Võ Kim T1, sinh năm 1993, Võ Kim A, sinh năm 1994, Võ Kim T2, sinh ngày 06/05/2004. Cháu T1 và cháu A đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu T2, bà T yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, bà T có đơn đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Đối với bị đơn ông Võ Văn Đ: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đối với ông Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, ông Đ cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn và tranh chấp nuôi con; bị đơn ông Võ Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại số G65, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B. Do đó, vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đặng Kim T và ông Võ Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh B vào ngày 25/9/2003 cho nên hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Nguyên đơn bà T trình bày sau khi kết hôn cuộc sống của bà và ông Đ đã không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Bà T không còn tình cảm với ông Đ, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Xét thấy, bà T và ông Đ không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc nhau, nền tảng hạnh phúc gia đình không còn. Ngoài ra, ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, điều đó cho thấy ông Đ không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn với bà T. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần giải quyết dứt điểm để bà T và ông Đ sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T vời ông Đ, bà T được ly hôn với ông Đ.

[4] Về con chung:

Bà T và ông Đ có 03 con chung là Võ Kim T1, sinh năm 1993, Võ Kim A, sinh năm 1994, Võ Kim T2, sinh ngày 06/05/2004. Cháu T1 và cháu A đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu T2: Nguyên đơn yêu cầu được nuôi cháu Thọ. Bị đơn không tham gia tố tụng và không trình bày ý kiến liên quan đến yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn, chứng tỏ bị đơn không quan tâm đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện cháu T2 đang sống chung với bà T, cháu cũng có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được nuôi con chung của nguyên đơn là phù hợp có căn cứ chấp nhận nên cần giao cháu Võ Kim T2, sinh ngày 06/05/2004 cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Bị đơn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, đây là ý chí tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Kim T đối với bị đơn ông Võ Văn Đ về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Đặng Kim T được ly hôn với ông Võ Văn Đ.

- Về con chung:

Các con chung Võ Kim T1, sinh năm 1993, Võ Kim A, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Giao cháu Võ Kim T2, sinh ngày 06/05/2004 cho bà Đặng Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Võ Văn Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T2 do bà T không yêu cầu.

Bà Đặng Kim T và ông Võ Văn Đ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Ông Võ Văn Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông Đ thực hiện quyền này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đặng Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/005442 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Ngọc Bích